

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông
thường tại xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá
của Công ty TNHH Anh Việt Hương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 12129/UBND-CN ngày 21/8/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh của Công ty TNHH Anh Việt Hương;

Xét Văn bản số 10920/STNMT-BVMT ngày 22/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Anh Việt Hương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1654/Tr-STNMT ngày 07/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Anh Việt Hương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh, tỉnh

Thanh Hoá với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường của Công ty TNHH Anh Việt Hương thực hiện tại xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Như Thanh, Giám đốc Công ty TNHH Anh Việt Hương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Xuân Phúc (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông
thường tại xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá
của Công ty TNHH Anh Việt Hương

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.
- Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Anh Việt Hương.
- + Người đại diện: Nguyễn Xuân Việt - Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.
- Vị trí địa lý:

Khu vực	Điểm góc	TOẠ ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trực105 ⁰ .00', múi chiều 3 ⁰)	
		X(m)	Y(m)
Khu vực khai thác S = 30.000 m ²	1	2168 617.0	560 816.0
	2	2168 401.0	560 954.0
	3	2168 312.8	560 868.8
	4	2168 532.0	560 734.0
Khu vực khai trường S = 10.000 m ²	3	2168 312.8	560 868.8
	4	2168 532.0	560 734.0
	5	2168 491.0	560 695.0
	6	2168 440.0	560 743.0
	7	2168 371.0	560 782.0
	8	2168 377.0	560 804.0
	9	2168 284.2	560 840.0
Tổng diện tích S = 40.000 m ²			

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi, quy mô: Tổng diện tích thực hiện Dự án là 40.000 m², bao gồm:
 - + Diện tích khu vực khai thác: 30.000 m².
 - + Diện tích khu vực khai trường: 10.000 m².

- Công suất: Năm 2023: 100.000 m³/năm; năm 2024: 75.000 m³/năm; các năm tiếp theo: 40.000 m³/năm.

- Thời gian khai thác: 7 năm.

1.3. Công nghệ khai thác

- Mở khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác khấu theo lớp đứng cắt tầng, công tác xúc bốc vận tải thực hiện tại chân tuyến vận chuyển bằng ô tô đến khu vực chế biến.

- Quy trình công nghệ khai thác như sau: Bóc tầng phủ → khoan nổ mìn → xúc bốc → vận chuyển đá về khu chế biến.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình chính

a. Các hạng mục công trình hiện hữu:

- Mương thoát nước chiều dài 195m (kích thước rộng 0,8m, sâu 0,6m).
- Hồ lắng dung tích 450m³ (kích thước dài 22,5m, rộng 10,0m, sâu 2,0m)
- Bãi thải có diện tích 500m² (kích thước dài 50m, rộng 10m)
- Kho chứa CTNH diện tích 6,0m².

b. Các công trình xây dựng mới.

- Bạt ngọn tạo tầng công tác ban đầu diện tích 290 m²

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động khai thác đá vôi làm VLXD thông thường gồm: Khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển đá về trạm nghiền.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại mỏ.

- Hoạt động sửa chữa máy móc trang thiết bị tại mỏ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các tác động môi trường chính của Dự án trong giai đoạn vận hành Dự án như sau:

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng khu vực khai thác, khu vực bãi thải.
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận tải.
- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị khai thác, chế biến.
- Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án.

- Quá trình nổ mìn, khai thác, vận chuyển đá nguyên khối, đá thải phát sinh tiếng ồn, độ rung gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động.

- Quá trình phát quang thảm thực vật, khai thác làm mất lớp phủ thực vật, ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực khai thác.

- Các rủi ro, sự cố do cháy nổ, trượt lở bờ mỏ, trượt lở bãi thải, tai nạn lao động.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư (giai đoạn vận hành dự án)

3.1. Nước thải

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt khoảng $2,1\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), BOD_5 , COD và tổng Nitơ (N), tổng Photpho (P), coliform,...

- Nước thải mỏ: Lưu lượng nước thải mỏ ngày mưa lớn nhất khoảng $9.721,1\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là TSS.

3.2. Bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khoan phá đá, từ hoạt động bốc xúc, từ hoạt động vận chuyển đất đá về khu vực về khu vực chế biến. Thành phần chủ yếu là bụi, SO_2 , NO_x , CO,...

3.3. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng $16\text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là túi nilon, vỏ chai, thủy tinh, thức ăn thừa, vỏ hoa quả,...

- Đất đá thải từ quá trình khai thác khoảng $1.000\text{ m}^3/\text{năm}$ (năm 2023); khoảng $750\text{ m}^3/\text{năm}$ (năm 2024) và khoảng $400\text{ m}^3/\text{năm}$ đối với các năm tiếp theo.

- Ngoài ra, còn có lượng bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống mương thu gom, thoát nước, hồ lắng.

3.4. Chất thải nguy hại (CTNH)

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa... khối lượng khoảng $10\text{ kg}/\text{tháng}$ phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy khoảng $287\text{ lít}/\text{năm}$.

3.5. Tiếng ồn, độ rung

Phát sinh từ hoạt động nổ mìn, từ hoạt động xúc chuyển đá xuống bãi xúc và từ hoạt động di chuyển của thiết bị.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt tại khu vực khai trường được thu gom, xử lý bằng 01 nhà vệ sinh di động (dung tích bồn nước là 400 lít , bồn phân là 1.200 lít); hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý với tần suất 03 ngày/lần.

- Nước thải mỏ: Nước trên các tầng khai thác → Mương thoát nước (kích thước dài 195m x rộng $0,8\text{ m}$ x sâu $0,6\text{m}$) → Hồ lắng thể tích 450m^3 (tự chảy) → Hệ thống mương thoát nước của khu vực.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải

- Áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai và thuốc nổ theo hồ sơ thiết kế cơ sở đã được duyệt để giảm thiểu phát tán bụi và khí thải.

- Tuân thủ quy trình kỹ thuật khi tiến hành nổ mìn, khống chế khoảng cách an toàn đối với người và thiết bị, máy móc.

- Bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong mỏ; các phương tiện vận chuyển phải có bạt che phủ.

- Phun nước định kỳ cho những khu vực phát sinh bụi (khu vực khai thác; khu vực đường vận tải nội mỏ).

- Bảo tồn cây xanh xung quanh khu vực khai thác, trồng cây xanh dọc tuyến đường vận tải mỏ.

- Việc nổ mìn phải được bóc sạch tầng phủ trước khi thực hiện nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi phát tán vào không khí.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Khu vực khai trường của Dự án không bố trí khu vực rửa xe vận chuyển, các xe vận chuyển đá được rửa lốp, bánh xe với tần suất 2 chuyến/lần rửa tại khu vực tiếp nhận đá khai thác (trạm nghiền sàng nằm ngoài dự án).

4.3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom vào 02 thùng chứa dung tích 60 lít/thùng có nắp đậy kín tại khu vực khai trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải thông thường phát sinh trong quá trình khai thác chủ yếu là đất đá thải được tận dụng để san lấp tuyến đường nội, ngoại mỏ và một phần phối trộn cùng đá base làm vật liệu san lấp; phần còn lại được lưu chứa tại bãi thải có kích thước dài 50 m x 10,0 m; có tường bao bãi thải cao 0,3m, rộng 0,2m bằng đá hộc.

- Bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống mương thu gom, thoát nước, hồ lắng không chứa thành phần nguy hại được tận dụng vun gốc cây dọc tuyến đường vận chuyển.

4.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

- Trang bị ít nhất 06 thùng đựng CTNH (dung tích 200 lít/thùng), đặt tại kho chứa CTNH diện tích 6m². Kho được thiết kế kiểu kho kín, gắn biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung, sóng chấn động và va đập không khí

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên lao động trực tiếp.

- Hạn chế sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị trên công trường thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng tiếng ồn, rung.

- Bố trí lao động thích hợp, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại khu vực phát sinh tiếng ồn cao.

- Áp dụng phương án nổ mìn kỹ thuật đảm bảo an toàn cho các công trình xung quanh khu vực Dự án; thực hiện nổ mìn theo đúng phương pháp và hộ chiếu nổ mìn được cơ quan chức năng phê duyệt.

- Bố trí hợp lý giờ làm việc tuân thủ theo đúng quy định.

4.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tại khu vực khai trường khai thác: hàng năm, tiến hành gia cố bờ đáy mỏ khai thác và các tầng khai thác, gia cố mái taluy xung quanh khu vực khai trường đã kết thúc khai thác, hạn chế sạt lở ra khu vực xung quanh.
- Bố trí kè chân bãi thải và bờ bao chắn xung quanh hồ lắng.
- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thu thoát nước và hồ lắng.
- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mức nước trong hồ lắng (trong trường hợp mưa lớn), nhằm kịp thời xử lý các tình huống tránh sự cố xảy ra.
- Thực hiện nổ mìn theo đúng hộ chiếu nổ mìn đã được phê duyệt.
- Trang bị bình chữa cháy, kiểm tra đường dây, thiết bị điện, cấm hút thuốc ở gần kho vật liệu nổ công nghiệp.
- Thực hiện theo phương án ứng phó sự cố khi xảy ra sạt lở, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện chương trình kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân.

4.7. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

4.7.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- Khu vực khai thác: Cây bẫy đá treo, đá om trên các sườn tầng; cấm biên báo nguy hiểm; nạo vét rãnh thoát nước chân tầng; san gạt mặt bằng, phủ đất màu; trồng cỏ khu vực đáy moong.
- Khu vực khai trường: Tháo dỡ công trình, di dời máy móc thiết bị, san gạt mặt bằng, phủ đất màu và trồng cây keo tai tượng Úc.
- Tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ: Gia cố tuyến đường, nạo vét kênh mương.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
A	Khu vực moong khai thác			
1	AB.12111	Cây gỗ đá treo bằng thủ công	m ³	91,2
2	AD.32231 (Mbb)	Làm biển báo bê tông cốt thép, loại tam giác 0,7x0,7x0,7m	cái	10
3	AD.32111	Chi phí xây dựng cột biển báo	cái	10
4	AB.34110	San gạt mặt bằng	100m ³	56,7
5	QĐ 10/2018	Mua đất màu	m ³	1.890
6	QĐ38	Trồng cỏ gừng	ha	1,89
7	AB.28211	Nạo vét rãnh thoát nước	100m ³	0,73
B	Khu vực sân công nghiệp			
1	AA.21311	Phá dỡ nền móng xi măng không cốt thép	m ³	0,18

2	AA.31121	Tháo dỡ xà gồ	tấn	0,04
3	AB.31221	Tháo dỡ mái tôn	m ²	38,2
4	AB53141	Vận chuyển đồ thải	m ³	0,18
5	AB.34110	Lắp hồ lắng, rãnh thoát nước trong khai trường	m ³	543,6
6	AB.34110	San gạt mặt bằng khai trường	100m ³	30
7	QĐ 10/2018	Mua đất màu	m ³	44,8
8	QĐ38	Trồng cây keo tai tượng Úc	ha	1,0
C	Khu vực bãi thải			
1	AA.21112	Tháo dỡ tường kê xung quanh bãi thải, móng bãi thải, tường xây đá học.	m ³	11,0
2	AB.42134	Vận chuyển đồ thải	m ³	11,0
D	Khu vực xung quanh			
1	AD.21211	Gia cố tuyến đường ngoại mở	100m ³	0,32
2	AB.28211	Nạo vét mương thoát nước	100m ³	0,64

4.7.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là **373.605.620** đồng (Ba trăm bảy mươi ba triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, sáu trăm hai mươi đồng).

- Chủ dự án đã thực hiện ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa với số tiền là **231.298.900** đồng (Hai trăm ba mươi một triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, chín trăm đồng).

Tổng giá trị còn lại phải ký quỹ là 142.306.720 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm hai mươi đồng). Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ: 07 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu (25%): **36.999.747 đồng**. Thời điểm ký quỹ: Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

+ 06 (sáu) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: **17.551.162 đồng**. Thời điểm ký quỹ: Thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

Khuyến khích Chủ đầu tư thực hiện giám sát môi trường không khí:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại khu vực khai thác và khu vực khai trường.
- Thông số giám sát: bụi, tiếng ồn, độ rung, SO₂, NO₂, CO.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng, khoáng sản; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ, đặc biệt là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2019/BCT về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất đá, giám sát rung chấn trong quá trình nổ mìn, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá lăn, đá văng trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo tới công nhân và dân cư xung quanh thời gian, kế hoạch nổ mìn và các hoạt động có rủi ro cao khác.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thường xuyên thực hiện giám sát sụt lở, sụt lún, an toàn nổ mìn, khả năng tiêu thoát nước của Dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để bảo đảm an ninh, trật tự; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, an toàn lao động, giao thông vận tải, phòng ngừa, ứng cứu sự cố sụt lở, sự cố thiên tai, cháy nổ, tai nạn lao động, rủi ro, sự cố môi trường; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.